

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/DS-PT

Ngày 28/01/2026.

*“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản; tranh chấp đòi tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thành Trung.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc Bình

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Huê - là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 487/2025/TLPT-DS ngày 24/11/2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; tranh chấp đòi tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 651/2025/QĐ-PT ngày 02/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 422/2025/QĐ-PT ngày 17/12/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2026/QĐPT-DS ngày 07/01/2026; Thông báo về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm số 31/2026/TB-DS ngày 19/01/2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Trọng T, sinh năm 1947.

Địa chỉ: số G N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Trọng T: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: B Xi Grand C, 2 L, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH D2.

Trụ sở: C đường P, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân S- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số A đường T, phường X- Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH D2: Luật sư Trần Đình L- Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L.

Địa chỉ: Số C đường L, thôn H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Xuân S, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số C đường P, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Đoàn Trọng T, bị đơn Công ty TNHH D2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH D2 trình bày:* *Uyên Huy:*

Ngày 27/04/2023, ông Đoàn Trọng T (Bên A) kí với Công ty TNHH D2 (Bên B) (viết tắt là Công ty D2) Hợp đồng V/v Huy động vốn số 02/2023/VS-HĐV, theo đó:

Bên A cho Bên B vay số tiền 1.400.000.000 đồng; mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh, trả lương tháng 03/2023 của công ty; lãi suất: gồm 0,7%/tháng + 5% TNCN tính trên số lãi nhận được; phần thuế TNCN 5% tính trên số lãi Bên A nhận được Bên B sẽ khấu trừ lãi và có trách nhiệm nộp cho cơ quan thuế thay cho Bên A; thời hạn vay: tùy thuộc vào khả năng tài chính tại mỗi thời điểm của công ty để gia tăng hoặc giảm thời hạn vay; thanh toán lãi hàng tháng.

Ngày 18/12/2023, Công ty D2 có Văn bản số 20/2023/CVXNCN-VS xác nhận khoản nợ chưa trả bao gồm tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày ký hợp đồng, hạn thanh toán vào ngày 27/04/2024. Tuy nhiên, quá hạn thanh toán, ông T mới nhận được tiền lãi đến ngày 27/12/2023.

Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty D2 có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền gốc 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi trong hạn tính từ ngày 28/12/2023 đến hết ngày 27/04/2024 là 39.200.000 đồng; lãi quá hạn tính tới ngày xét xử là 199.068.493 đồng.

Đối với yêu cầu đòi số tiền lãi trong hạn từ ngày vay đến ngày 27/12/2023 ông T xác định đã được nhận và yêu cầu đòi số tiền thuế thu nhập cá nhân 5% trên số lãi được nhận thì ông Đoàn Trọng T xin rút lại các yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu phản tố trả số tiền tạm ứng 1.000.000.000 đồng của bị đơn Công ty D2 thì ông T xác định ông là người kí tên trên Giấy xin tạm ứng không

đề ngày tháng và Phiếu chi ngày 13/07/2023. Tuy nhiên, việc kí tên trên Phiếu Chi phần Người nhận tiền là kí “nháy” và không ghi họ tên, hơn nữa Phiếu Chi này thể hiện tên người nhận tiền là ông Phạm Xuân S, địa chỉ A Q, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng. Ông T khẳng định ông chưa nhận tiền theo Giấy xin tạm ứng không đề ngày tháng nêu trên. Vì vậy, ông Phạm Xuân S mới là người có trách nhiệm trả số tiền 2.000.000.000 đồng theo Phiếu chi ngày 13/07/2023 cho Công ty D2. Do đó, ông T không đồng ý với yêu cầu phản tố của Công ty D2.

Đối với yêu cầu phản tố trả lại số tiền 920.000.000 đồng chi phụ cấp cho ông thì: Sau khi ông D1- Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT chiếm tỷ lệ 30% trình Phương án số 09/2014/VS-PA ngày 14/02/2014 thì HĐQT gồm ông T (40%), ông D1 (30%), ông S (30%) đã tiến hành họp HĐQT- Biên Bản họp chỉ lập 1 bản lưu tại công ty. Căn cứ cuộc họp, ông T ban hành Quyết định của Chủ tịch Hội đồng thành viên số 10/2014/VS-ĐC ngày 14/02/2014 chấp thuận Phương án nêu trên. Từ thời điểm đó, công ty đã chi trả theo Phương án này cho Lãnh đạo và các công nhân viên công ty. Ông T xác định việc Công ty D2 chi trả phụ cấp cho ông T với tư cách Chủ tịch Hội đồng thành viên là đúng. Đồng thời tại Biên bản họp Hội đồng thành viên số 30/2025/BB-HĐTV ngày 06/06/2025, các thành viên đã thống nhất: *“Cá nhân ông Đoàn Trọng T không còn bất kỳ quyền lợi và nghĩa vụ gì đối với Công ty D2 kể từ ngày hoàn tất việc chuyển nhượng. Ngoài trừ việc hỗ trợ làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật”*. Hiện tại ông Phạm Xuân S đã hoàn thành việc mua toàn bộ vốn góp của ông T tại công ty nên quyền, nghĩa vụ của ông T với tư cách Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên cũng đã không còn. Do đó, ông T không đồng ý với yêu cầu này của Công ty D2.

** Đại diện bị đơn Công ty TNHH D2 là bà Đỗ Thị D trình bày:*

Trong thời gian ông Đoàn Trọng T làm Giám đốc tài chính của Công ty D2 thì ông Đoàn Trọng T có cho công ty V số tiền 1.400.000.000 đồng theo Hợp đồng góp vốn số 02/2023/VS-HĐV, hợp đồng vay không thời hạn. Từ sau ngày 27/04/2023, ông T không có bất cứ thông báo gì cho công ty yêu cầu thanh toán nợ, Văn bản số 20/2023/CVXCN-VS ngày 18/12/2023 là văn bản do ông Đoàn Trọng T tự tạo ra, không mang tính chất pháp lý của công ty, do đó công ty chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ông Đoàn Trọng T. Tuy nhiên, Công ty D2 vẫn đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Trọng T; Công ty D2 đồng ý trả cho ông Đoàn Trọng T số tiền vay gốc là 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 27/01/2024 đến hết ngày 26/08/2025 là $1.400.000.000 \text{ đồng} \times 0.7\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 196.000.000 \text{ đồng}$ (một trăm chín mươi sáu triệu đồng) và 5% thuế thu nhập cá nhân trên số tiền lãi ông T được nhận là 9.800.000 đồng (chín triệu tám trăm ngàn đồng). Tổng cộng số tiền Công ty D2 đồng ý trả cho ông Đoàn Trọng T là 1.605.800.000 đồng (một tỷ sáu trăm lẻ năm triệu tám trăm ngàn đồng). Đối với số tiền lãi quá hạn theo yêu cầu của ông Đoàn Trọng T thì công ty không đồng ý.

Ngoài ra, vào ngày 13/07/2023 ông Đoàn Trọng T ứng tiền của công ty với số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) theo Phiếu chi tạm ứng PC 27/2023 ngày 13/07/2023 nhưng cho đến nay ông T chưa thực hiện thủ tục thanh toán tạm ứng cho công ty. Đồng thời, trong thời gian ông T làm việc tại công ty năm 2023, ông T đề nghị công ty C khoản tiền phụ cấp trong khoảng thời gian ông T bỏ việc ở công ty với số tiền 920.000.000 đồng, việc chi phụ cấp cho ông T là không đúng với quy định của pháp luật. Do đó, Công ty V1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Trọng T trả cho công ty số tiền tạm ứng nhưng chưa thanh toán hoặc hoàn ứng là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và số tiền phụ cấp Hội đồng thành viên đã chi cho ông Đoàn Trọng T là 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng), số tiền này chi sai nguyên tắc bởi đây là khoản phụ cấp theo lương đối với các thành viên của Hội đồng thành viên tham gia công tác quản lý công ty, có thực tế làm việc nhưng thời gian từ ngày 19/07/2015 đến ngày 01/03/2023 ông T không trực tiếp tham gia làm việc tại công ty, đồng thời theo quy định tại Điều lệ của công ty thì nội dung quyết định về tiền lương, phụ cấp phải thông qua Hội đồng thành viên công ty nhưng việc chi phụ cấp lại căn cứ vào Quyết định số 10/2014/VS-ĐC ngày 14/02/2014 là quyết định của riêng Chủ tịch Hội đồng thành viên chứ không thông qua Hội đồng thành viên. Tổng cộng số tiền công ty yêu cầu ông T thanh toán là 1.920.000.000 đồng (một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng). Ngoài ra công ty không có yêu cầu gì khác.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty D2 ông Trần Đình L trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà Đỗ Thị D.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân S trình bày:*

Vào thời điểm năm 2023, ông và ông Đoàn Trọng T cùng là thành viên của Công ty D2. Ông và ông T đề xuất ứng của công ty số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) theo Giấy xin tạm ứng không đề ngày tháng và được công ty duyệt chi tiền tạm ứng 2.000.000.000 đồng vào ngày 13/07/2023. Ông và ông Đoàn Trọng T mỗi người nhận tiền ứng 1.000.000.000 đồng từ kế toán nhưng phiếu chi lại gộp chung thành một phiếu. Sau khi nhận tiền tạm ứng hai ông đã sử dụng tiền ứng theo mục đích tạm ứng. Hiện nay cá nhân ông Phạm Xuân S đã hoàn ứng được một phần và đang tiếp tục hoàn ứng, về phần ông Đoàn Trọng T thì chưa thực hiện việc hoàn ứng cho công ty. Do đó, Công ty D2 khởi kiện buộc ông Đoàn Trọng T trả số tiền tạm ứng 1.000.000.000 đồng thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 93/2025/DS-ST ngày 29/09/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Trọng T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với bị đơn Công ty TNHH D2.

Buộc Công ty TNHH D2 phải trả cho ông Đoàn Trọng T số tiền vay gốc và lãi là 1.638.268.493 đồng (một tỷ sáu trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng) trong đó tiền gốc là 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn là 39.200.000 đồng; lãi quá hạn là 199.068.493 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi số tiền lãi trong hạn từ ngày 27/04/2023 đến ngày 27/12/2023 và yêu cầu đòi số tiền thuế thu nhập cá nhân 5% trên số lãi được nhận của ông Đoàn Trọng T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D2 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” với ông Đoàn Trọng T.

Buộc ông Đoàn Trọng T phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH D2 số tiền tạm ứng chưa thanh toán là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH D2 về việc buộc ông Đoàn Trọng T trả số tiền phụ cấp chi sai là 920.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/10/2025, nguyên đơn ông Đoàn Trọng T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty D2.

Ngày 14/10/2025, bị đơn Công ty D2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty D2.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Đoàn Trọng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo một phần bản án không chấp nhận trả cho bị đơn Công ty D2 số tiền 1.00.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty D2 vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và kháng cáo một phần bản án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn; không chấp nhận trả tiền lãi quá hạn đối với khoản vay 1.400.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã trình bày lập luận, cơ sở pháp lý cho rằng yêu cầu phản tố và kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố và kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Đoàn Trọng T có trách nhiệm trả cho bị đơn số tiền 1.920.000.000 đồng và không buộc bị đơn phải chịu lãi quá hạn đối với khoản vay 1.400.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Trọng T kháng cáo một phần bản án không đồng ý trả cho bị đơn Công ty TNHH D2 số tiền 1.000.000.000 đồng. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH D2 về yêu cầu buộc nguyên đơn ông Đoàn

Trọng T có trách nhiệm trả cho bị đơn số tiền 1.920.000.000 đồng; không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về số tiền lãi quá hạn đối với khoản vay 1.400.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.1] Đơn kháng cáo của những người kháng cáo nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Đoàn Trọng T khởi kiện đòi tiền gốc và lãi theo hợp đồng cho vay với bị đơn Công ty D2; bị đơn có yêu cầu phản tố buộc ông Đoàn Trọng T trả số tiền tạm ứng chưa thanh toán là 1.000.000.000 đồng và tiền phạt chậm chi không đúng là 920.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; tranh chấp đòi tài sản*” là có căn cứ.

[2] Xét nội dung giải quyết vụ án và kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý trả cho bị đơn số tiền tạm ứng 1.000.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Công ty D2 căn cứ vào Giấy xin tạm ứng và Phiếu chi ngày 13/07/2023 có chữ ký của ông Đoàn Trọng T để yêu cầu phản tố buộc ông T trả cho công ty số tiền tạm ứng 1.000.000.000 đồng. Ông T cho rằng toàn bộ số tiền tạm ứng 2.000.000.000 đồng đều do ông Phạm Xuân S nhận và sử dụng nên ông T không đồng ý trả số tiền này cho công ty nhưng ông Phạm Xuân S không thừa nhận; ông T không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp trong khi đó ông T thừa nhận ông là người ký vào Giấy xin tạm ứng và ký nháy vào Phiếu chi ngày 13/07/2023 do bị đơn cung cấp cho Tòa án nên không có cơ sở để xem xét. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D2 buộc ông Đoàn Trọng T trả số tiền tạm ứng 1.000.000.000đ là có căn cứ.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn hoàn trả số tiền 920.000.000 đồng phạt chậm do chi sai nguyên tắc, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại “Bản đề nghị về việc truy lĩnh tiền phạt chậm Hội đồng thành viên” do chính ông T viết ngày 25/3/2023 có nội dung thể hiện ông T đòi khởi công ty từ ngày 15/7/2015 đến ngày 01/3/2023 ông T mới trở lại công ty làm việc.

Theo Quyết định số 10/2014/VS-ĐC ngày 14/02/2014 của Hội đồng

thành viên công ty thì chỉ quy định áp dụng chi phụ cấp cho Hội đồng thành viên năm 2014 mà không quy định chi cho các năm tiếp theo.

Theo Bảng thanh toán tiền lương từ 01/2015 đến 12/2023 do Công ty D2 cung cấp cho Tòa án thể hiện công ty đã thanh toán lương và phụ cấp cho ông T đến hết 7/2015; từ 08/2015 đến 02/2023 công ty không thanh toán lương và phụ cấp cho ông T; từ 3/2023 công ty lại bắt đầu chi lương và phụ cấp tăng ca cho ông T và không chi phụ cấp Hội đồng thành viên cho ông T.

Điểm b, khoản 5, Điều 3 của Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTB & XH, ngày 12/11/2020 của Bộ L2 quy định:

“Các khoản phụ cấp lương để bù đắp yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động mà mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ.

Các khoản phụ cấp lương gắn với quá trình làm việc và kết quả thực hiện công việc của người lao động”.

Khoản 1, Điều 66 của Luật Doanh nghiệp quy định:

“Công ty trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh”.

Như vậy, khoản phụ cấp theo lương đối với các thành viên của Hội đồng thành viên tham gia công tác quản lý công ty, có thực tế làm việc mới được hưởng nhưng thời gian từ ngày 19/07/2015 đến ngày 01/03/2023 ông Đoàn Trọng T không trực tiếp tham gia làm việc tại công ty nên không được hưởng phụ cấp này.

Từ những cơ sở trên, xét thấy việc công ty C phụ cấp cho ông Đoàn Trọng T số tiền 920.000.000 đồng trong thời gian ông T không trực tiếp làm việc tại công ty là không đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc ông T hoàn trả số tiền này cho công ty là không có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn đối với số tiền lãi quá hạn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng vay vốn giữa các bên là hợp đồng vay không thời hạn, nhưng đến ngày 18/12/2023 Công ty D2 có Văn bản số 20/2023/CVXNCN-VS xác nhận sẽ thanh toán số tiền vay gốc cho ông Đoàn Trọng T chậm nhất ngày 27/04/2024; mặc dù văn bản này do chính ông T thay mặt công ty ký xác nhận cho thời hạn trả nợ của công ty đối với khoản vay của công ty với cá nhân ông T nhưng văn bản ký tại thời điểm ông T là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty, là người đại diện của công ty và được đóng dấu công ty, nội dung văn bản thể hiện việc công ty “có khó khăn tài chính không thể thanh toán gốc, lãi” là phù hợp với việc công ty ngừng trả lãi cho khoản vay từ ngày 28/12/2023. Do đó, có căn cứ xác

định được thời hạn thanh toán của hợp đồng vay là ngày 27/04/2024, vì vậy thời gian từ ngày 27/04/2023 đến ngày 27/04/2024 là trong thời hạn vay và phải chịu lãi trong hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng với mức lãi suất 0.7% là phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 28/04/2024 đến ngày xét xử với mức lãi 10%/năm (không vượt quá 150% của lãi trong hạn) là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định lãi quá hạn từ ngày 28/4/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 29/09/2025 với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: $1.400.000.000đ \times 10\%/năm \times 365 \text{ ngày} \times 519 \text{ ngày} = 199.068.493 \text{ đồng}$ là có căn cứ.

[2.4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Trọng T kháng cáo một phần bản án không đồng ý trả cho bị đơn Công ty TNHH D2 số tiền 1.000.000.000 đồng. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH D2 về yêu cầu buộc nguyên đơn ông Đoàn Trọng T có trách nhiệm trả cho bị đơn số tiền 1.920.000.000 đồng; không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về số tiền lãi quá hạn đối với khoản vay 1.400.000.000 đồng; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/DS-ST ngày 29/09/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng theo hướng nhận định trên.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Trọng T được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật.

Công ty D2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông Đoàn Trọng T.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn Công ty D2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Ông Đoàn Trọng T được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Trọng T kháng cáo một phần bản án không đồng ý trả cho bị đơn Công ty TNHH D2 số tiền 1.000.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH D2 về yêu cầu buộc nguyên đơn ông Đoàn Trọng T có trách nhiệm trả cho bị đơn số tiền

1.920.000.000 đồng; không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về số tiền lãi quá hạn đối với khoản vay 1.400.000.000 đồng.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2025/DS-ST ngày 29/09/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Trọng T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn Công ty TNHH D2.

Buộc Công ty TNHH D2 phải trả cho ông Đoàn Trọng T số tiền vay gốc và lãi là 1.638.268.493 đồng (*một tỷ sáu trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng*) trong đó tiền gốc là 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn là 39.200.000 đồng; lãi quá hạn là 199.068.493 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi số tiền lãi trong hạn từ ngày 27/04/2023 đến ngày 27/12/2023 và yêu cầu đòi số tiền thuế thu nhập cá nhân 5% trên số lãi được nhận của ông Đoàn Trọng T.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH D2 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*” với ông Đoàn Trọng T.

Buộc ông Đoàn Trọng T phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH D2 số tiền tạm ứng chưa thanh toán là 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*) và số tiền phụ cấp chi sai là 920.000.000 đồng (*chín trăm hai mươi triệu đồng*). Tổng cộng số tiền là 1.920.000.000 đồng (*một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng*).

4. Sau khi đối trừ nghĩa vụ thì ông Đoàn Trọng T còn phải trả cho Công ty TNHH D2 số tiền là 281.731.507 đồng (*hai trăm tám mươi một triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đoàn Trọng T.

Buộc Công ty TNHH D2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông Đoàn Trọng T là 61.148.000 đồng (*sáu mươi một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.800.000 đồng (*ba mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0000706 ngày 27/03/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Lâm Đồng), Công ty TNHH D2 còn phải nộp 26.348.000 đồng (*hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH D2 số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007077 ngày 29/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Lâm Đồng).

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đoàn Trọng T.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 4 – Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 4 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 4 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thành Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

D